

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành:

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Công Tránh

2. Ngày tháng năm sinh: 09-03-1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Khu Phố An Thới, Phường An Hòa, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 483/19 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Tp.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Công Tránh, Khoa Hoá học, Phòng I59A, 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0983353354; E-mail: nctranh@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- ✓ Từ năm 1998 đến năm 2004: Nghiên cứu viên, phòng Thí nghiệm Phân tích Trung Tâm, trường ĐH KHTN – ĐHQG-HCM.
- ✓ Từ năm 2004 đến năm 2008: nghiên cứu sinh, Đại học Sungkyunwan, Hàn Quốc.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- ✓ Từ năm 2008 đến nay: giảng viên, Khoa Hóa học, ĐH KHTN – ĐHQG-HCM.
- ✓ Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa Hóa học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn Hóa lý, Khoa Hóa học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.
- ✓ Cơ quan công tác hiện nay: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM
- ✓ Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Q.5, TP.HCM
- ✓ Điện thoại cơ quan: 028 38355270
- ✓ Thành giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- ✓ Được cấp bằng ĐH tháng 09 năm 1998, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa lý; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam.
- ✓ Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 03 năm 2003, chuyên ngành: Hóa lý thuyết và hóa lý; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam.
- ✓ Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 08 năm 2008, chuyên ngành: Khoa học và kỹ thuật polyme (Polymer Science and Engineering); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Sungkyunkwan, Hàn Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- ✓ Tổng hợp phụ gia cho polyme:
 - + Tổng hợp phụ gia kháng cháy và cải thiện tính bền nhiệt của vật liệu polyme (loại phụ gia dựa trên các hợp chất phospho hữu cơ); khảo sát và đánh giá khả năng kháng cháy, độ bền nhiệt của các hợp chất này trên một số loại polyme từ khó cháy đến dễ cháy.
 - + Nghiên cứu và đề xuất cơ chế tăng độ bền nhiệt hoặc kháng cháy của các hợp chất phospho hữu cơ trên các nền polyme khác nhau.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- ✓ Tổng hợp monome và polyme có khả năng kháng cháy và kháng oxi hóa, biến tính polyme tự nhiên nhằm cải thiện tính chất bền nhiệt và tính kháng oxi hóa.
- ✓ Vật liệu khung cơ kim (vật liệu Metal Organic Frameworks-MOFs): tổng hợp các linker nhằm tìm kiếm và tổng hợp vật liệu MOFs mới ứng dụng trong lưu trữ, tách, chuyển hóa khí và chuyển hóa năng lượng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- ✓ Đã hướng dẫn (số lượng) 03 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- ✓ Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- ✓ Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 cấp Bộ (cấp ĐHQG Tp.HCM);
- ✓ Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 cấp Trường (cấp Trường ĐHKHTN);
- ✓ Đã công bố (số lượng) 19 bài báo KH, trong đó 13 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín và 01 bài báo trong kỹ yếu hội nghị khoa học; 05 bài báo trong tạp chí Hóa học Việt Nam.
- ✓ Đã được cấp (số lượng) 02 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- ✓ Bằng khen của Giám đốc ĐHQG TpHCM « Nhà Khoa học trẻ có công bố khoa học xuất sắc 2008-2009 » năm 2009.
- ✓ Bằng khen của Giám đốc ĐHQG TpHCM « Đóng góp tích cực trong thực hiện đề án CDIO giai đoạn 2010-2017 » năm 2017.
- ✓ Bằng khen của Giám đốc ĐHQG TpHCM « Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 2018-2019 đến năm 2019-2020 » năm 2020.
- ✓ Bằng khen của Giám đốc ĐHQG TpHCM « Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác » năm 2012.
- ✓ Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo « Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác 2016-2017 và 2017-2018 » năm 2018.
- ✓ Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo « Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ 2018-2019 đến 2019-2020 » năm 2020.
- ✓ Danh hiệu «Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở» các năm: 2004, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2017, 2020, 2021.
- ✓ Danh hiệu «Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG-HCM» năm 2011, 2014, 2019.
- ✓ Danh hiệu «Chiến sĩ thi đua cấp bộ Giáo dục và đào tạo» năm 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Dựa theo nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo được quy định trong Luật giáo dục và luật Khoa học và Công nghệ, tôi tự đánh giá:

- a. Chuyên môn: đã được đào tạo theo hệ chính quy Đại học (tốt nghiệp năm 1998), Sau đại học (bậc thạc sĩ, năm 2003) và Tiến sĩ (năm 2008), công tác và làm việc trong môi trường nghiên cứu và giáo dục (Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp.HCM) từ năm 1998. Có đủ khả năng ngoại ngữ (tiếng Anh) để triển khai và thực hiện các công việc liên quan đến công tác giảng dạy, công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc chuyên môn.
- b. Nhiệm vụ giảng dạy: đã tham gia và hoàn thành tốt các công tác giảng dạy Đại học và Sau đại học. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện khóa luận tốt nghiệp, luận văn Thạc sĩ và luận án Tiến sĩ.
- c. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Chủ nhiệm và tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đã báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, đã công bố kết quả trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; đạt chỉ số H_{index} hiện nay là 7 (tính theo Publish or Perish).
- d. Các hoạt động chuyên môn khác: Tham gia các hội đồng khoa học chuyên ngành (đào tạo, nghiên cứu khoa học, ...) và ban điều hành các đề án các chương trình đào tạo đặc biệt như: chương trình cử nhân tài năng ngành Hóa học, chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học; tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm; phản biện bài báo cho tạp chí khoa học quốc tế; tham gia và tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; tham gia các khóa tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy, tham gia các buổi chia sẻ hoạt động khoa học và chia sẻ vì cộng đồng, kinh nghiệm giảng dạy và tập huấn giáo viên phổ thông.
- e. Thường xuyên học tập và rèn luyện nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Luôn trao dồi và giữ vững phẩm chất đạo đức, chính trị để thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục và nghiên cứu khoa học được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 năm.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn
 nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017		1		6	266,5	0	266,5/ 368,52/ 202,5
2	2017-2018				2	262	22,5	284,5 / 435,51/ 202,5
3	2018-2019			1	6	327,5	0	327,5/ 496,52 / 202,5
03 năm học cuối								
4	2019-2020	1		1	5	214	150	364/ 450,79/202,5
5	2020-2021				0	240	165	405/ 478,65 /202,5
6	2021-2022			1	1	246	45	291/ 287,87/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS; tại nước: Hàn Quốc năm 2008.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Quốc tế- ĐHQG-HCM.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tuấn Thành		X	X		2018-2021	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	26/04/2022
2	Nguyễn Thanh Bình	X		X		2011-2019	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	29/05/2020
3	Nguyễn Thị Diễm Hương	X			X	2011-2019	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	28/02/2020
4	Nguyễn Kim Hưng		X	X		2014-2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	08/05/2019
5	Nguyễn Quốc Hùng	X			X	2009-2016	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	04/05/2017
6	Tô Diễm Thiện		X	X		2011-2015	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	10/08/2015
7	Lê Văn Khánh		X	X		2009-2013	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	30/05/2014
8	Nguyễn Thị Tuyệt Nhung		X	X		2007-2010	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp.HCM	26/05/2011

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Tổng hợp polime spong poli methyl metacrylat bằng hệ xúc tác oxy hóa khử	CN	T2002-16; Cấp trường, ĐHKHTN	2002 - 2003	13/03/2004, xếp loại: tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Nghiên cứu tổng hợp phụ gia kháng cháy cho vải cotton	CN	C2016-18-19; Cấp Bộ - ĐHQG-HCM	2016 – 2018	13/05/2020; xếp loại: tốt
3	Tổng hợp muối phot-phonic hữu cơ và khảo sát khả năng chống cháy trên nền nhựa Polyetylen (PE) và polyetylen vinylaxetat (EVA)	CN	B2010-18-12; Cấp Bộ - ĐHQG-HCM	2010- 2012	21/8/2014; xếp loại: tốt
4	Tổng hợp và khảo sát khả năng hình thành vật liệu khung cơ-kim (MOF) của một số ligand chứa nhóm cacboxylic và phosphonic	TK	B2009-18-3TĐ, Cấp Bộ - ĐHQG-HCM (Trọng điểm ĐHQG)	2009-2011	18-4-2014; xếp loại: khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Synthesis and characteristics of acrylol borate as new acrylic gelator for	6		Macromolecular Research, 1598-5032	SCI, IF = 1.8, Q2	4	16, 2,134-138	2008

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Lithium secondary battery							
2	Thermal stabilities and flame retardancies of nitrogen-phosphorus flame retardants based on bisphosphoramidate	2	x	Polymer Degradation and Stability, 0141-3910	SCI, IF = 3.2, Q1	95	93, 1037-1043	2008
3	Synthesis of a Novel Nitrogen-Phosphorus Flame Retardant Based on Phosphoramidate and Its Application to PC, PBT, EVA, and ABS	2	x	Macromolecular Research, 1598-5032	SCI, IF = 1.8, Q2	49	16, 7,134-138	2008
4	The relationship between structures of various reactive type organo-phosphorus monomers and their flame retardancy when copolymerized with MMA or SAN	5		Proceedings of the 19 th Annual Conference on Recent Advances in Flame Retardancy of Polymeric Materials, 978-1-61567-432-9			123-129	2008
II	Sau khi được công nhận TS							
5	Thermal stability and flame retardancy of novel phloroglucinol based organo phosphorus compound	4		Polymer Degradation and Stability, 0141-3910	SCI, IF = 3.2, Q1	38	95, 6, 1092-1098	2010
6	Structure-flame retardancy relationship between phosphorus-containing flame retardants and high combustion polymers	3	x	Polymers for Advanced Technologies, 1099-1581	SCI, IF = 2.16, Q1	30	22, 512-519	2011
7	Thermal stabilities and flame retardancies of phloroglucinol-based organo phosphates when applied to polycarbonate	5		Fire and Materials, 1099-1018	SCI, IF = 1.6, Q2	10	38, 1, 36-45	2012
8	High methanol uptake capacity in two new series of metal-organic frameworks: promising materials for heat transformation applications	5		Chemistry of Materials, 0897-4756 (print) 1520-5002 (web)	SCI, IF = 10.1, Q1	37	28, 17, 6243-6249	2016
9	Synthesis, Flame Retardancy, and Thermal Degradation Behaviors of Novel Organo-Phosphorus Compounds Derived from 9,10-Dihydro-9-oxa10-	7		Macromolecular Research, 1598-5032	SCI, IF = 1.8, Q2	16	21, 1, 66-73	2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	phosphaphenanthrene-10-oxide (DOPO)							
10	A Series of Metal-Organic Frameworks for Selective CO ₂ Capture and Catalytic Oxidative Carboxylation of Olefins	6		Inorganic Chemistry, 0020-1669 (print) 1520-510X (web)	SCI, IF = 4.8, Q1	49	57, 21, 13772-13782	2018
11	Novel Nitrogen-Phosphorus Flame Retardant Based on Phosphoramidate: Thermal Stability and Flame Retardancy	5		ACS Omega, 2470-1343 (print) 2470-1343 (web)	SCI, IF = 2.58, Q1	17	4, 17791-17797	2019
12	Novel phosphonate-based phosphorus-nitrogen flame retardants and their use as synergists when applied with OP1240 in glass fiber-reinforced poly(butylene terephthalate)	4		Polymer Bulletin, 0170-0839	SCI, IF = 1.66, Q2	2	77, 3, 1503-1518	2020
13	Preparation of a Novel Flame Retardant Formulation for Cotton Fabric	3	x	Materials, 1996-1944	SCIE, IF = 2.97, Q2	8	13, 54	2020
14	Degradation mechanism and fame retardancy of aluminum phosphonate in glass fiber-reinforced poly(butylene terephthalate)	5	x	Polymer Bulletin, 0170-0839	SCI, IF = 1.66, Q2	1	78:6761-6776	2021
15	Khảo sát khả năng chống cháy của một số muối metyliminobismetylen-phosphonic axit trên nền nhựa polyetylen và etylen-vinyl axetat (EVA)	4	x	Tạp chí Hóa học, 0866-7144			4A, 245-250	2010
16	Synthesis of [(methylimino) Dimethylene] bis(phosphonic) acid as a precursor for preparing novel metal organic framework	7	x	Tạp chí Hóa học, 0866-7144			4A, 226-231	2010
17	Study on the flame retardant behavior of phosphorus-based compounds containing nitrogen, sulphur on ABS, PC, and EVA	3	x	Tạp chí Hóa học, 0866-7144			4A, 232-239	2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

18	Khảo sát khả năng chống cháy của muối amoni phospho hữu cơ cho vật liệu composite LDPE/bột gỗ	2	x	Tạp chí Hóa học, 0866-7144		57(6E1,2), 489-494	2019
19	Nghiên cứu khả năng chống cháy của diphosphonic-borat trên nền nhựa EVA	3	x	Tạp chí Hóa học, 0866-7144		57(6E1,2), 271-275	2019

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03 (số thứ tự: 6,13,14)

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Phosphorous Containing Cyclic Compound, Method of Preparing Thereof and Flameproof Thermoplastic Resin Composition Using the Same (인계 고리형 화합물, 그 제조방법 및 이를 이용한 난연성 열가소성 수지 조성물)	Korea Patent, KR1020030005172 A	24-6-2008	Đồng tác giả	6
2	Phosphorus piperazine compound, method for preparing the same, and flame-retardant thermoplastic resin composition comprising the compound (인계 피페라진 화합물, 그 제조방법, 및 이를 포함하는 난연성 열가소성 수지 조성물)	Korea Patent, KR1020060121662 A	15-9-2011	Đồng tác giả	7

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TpHCM, ngày 20 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Koutrak', written over a horizontal blue line.

Nguyễn Công Tránh